

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

---

Hải Phòng - Tháng 02 năm 2014

---

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sivico trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sivico (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0200456505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28/3/2002, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 4 ngày 15/3/2010 về việc thay đổi vốn điều lệ Công ty.

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Sivico
Tên giao dịch tiếng Anh:	Sivico Joint stock Company
Vốn điều lệ:	16.066.000.000 VND (Mười sáu tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn)/.
Cổ đông sáng lập:	Số cổ phần: 100.000 (cổ phần)
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	Số cổ phần: 100.000 (cổ phần)
Công ty TNHH Vico	Số cổ phần: 147.500 (cổ phần)
Ông Hòa Quang Thiệp	

Trụ sở chính của Công ty tại Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b><u>Hội đồng Quản trị</u></b>	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch
	Ông Hòa Quang Thiệp	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thùy Nguyên	Ủy viên
	Bà Phạm Thị Hương Lan	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b><u>Ban Giám đốc</u></b>	Ông Hòa Quang Thiệp	Tổng Giám đốc
----------------------------	---------------------	---------------

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



**Hòa Quang Thiệp**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2014

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần SIVICO

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần SIVICO, được lập ngày 15/02/2014, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Đình Văn Thắng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1147-2013-075-1  
Thay mặt và đại diện

**Vũ Xuân Mạnh**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2360-2013-075-1

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**  
*Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2014*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>67.325.168.265</b>	<b>44.722.497.434</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	6.1	<b>7.795.221.508</b>	<b>2.514.027.093</b>
1. Tiền	111		7.795.221.508	2.514.027.093
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.350.087.039</b>	<b>28.745.962.115</b>
1. Phải thu khác hàng	131		40.280.993.522	26.797.985.134
2. Trả trước cho người bán	132		118.260.650	2.906.257.500
5 Các khoản phải thu khác	135	6.2	2.884.843.232	5.729.846
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(934.010.365)	(964.010.365)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.981.960.093</b>	<b>12.441.239.801</b>
1. Hàng tồn kho	141	6.3	15.981.960.093	12.441.239.801
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.197.899.625</b>	<b>1.021.268.425</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.4	1.132.056.945	836.418.032
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	15.725.593
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.5	65.842.680	169.124.800
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>7.506.371.256</b>	<b>8.138.623.293</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.001.071.256</b>	<b>5.188.623.293</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.6	4.001.071.256	5.188.623.293
- Nguyên giá	222		20.760.655.499	21.049.733.003
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.759.584.243)	(15.861.109.710)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.7	-	-
- Nguyên giá	228		851.112.290	851.112.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(851.112.290)	(851.112.290)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.505.300.000</b>	<b>2.950.000.000</b>
3. Đầu tư tài chính dài hạn	258	6.8	3.505.300.000	2.950.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>74.831.539.521</b>	<b>52.861.120.727</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>22.780.642.895</b>	<b>18.384.094.713</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.520.919.875</b>	<b>17.414.989.693</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.9	10.706.034.464	7.984.398.130
2. Phải trả người bán	312		5.089.368.067	5.533.064.316
3. Người mua trả tiền trước	313		533.373.660	181.531.650
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.10	2.653.507.551	2.002.294.041
5. Phải trả người lao động	315		827.195.135	196.881.498
6. Chi phí phải trả	316	6.11	940.522.761	700.085.218
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.12	54.298.948	106.614.551
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.716.619.289	710.120.289
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>259.723.020</b>	<b>969.105.020</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.13	259.723.020	353.723.020
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	615.382.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>52.050.896.626</b>	<b>34.477.026.014</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.14</b>	<b>52.055.106.826</b>	<b>34.360.856.014</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.066.000.000	16.066.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.916.943.041	3.203.450.073
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.626.003.459	1.586.172.973
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.446.160.326	13.505.232.968
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(4.210.200)</b>	<b>116.170.000</b>
1. Nguồn kinh phí	432		(4.210.200)	116.170.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>74.831.539.521</b>	<b>52.861.120.727</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	TM	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại	USD	11.378,02	1.084,61

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Huyền*  
 Nguyễn Thị Huyền

Q/Trưởng phòng kế toán

*Dương Thị Thanh Thủy*  
 Dương Thị Thanh Thủy

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Hòa Quang Thiệp



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.15	143.965.721.191	124.177.784.067
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		143.965.721.191	124.177.784.067
4. Giá vốn hàng bán	11	6.16	108.153.018.717	94.134.054.594
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		35.812.702.474	30.043.729.473
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.17	27.309.804	80.077.821
7. Chi phí tài chính	22	6.18	1.668.042.294	2.574.444.398
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.668.042.294	2.574.443.950
8. Chi phí bán hàng	24		3.013.599.590	3.003.662.035
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.242.815.520	4.239.416.794
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		26.915.554.874	20.306.284.067
11. Thu nhập khác	31		378.258.119	315.832.191
12. Chi phí khác	32		28.740.493	47.033.030
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.19	349.517.626	268.799.161
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		27.265.072.500	20.575.083.228
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.20	6.818.912.174	3.634.010.260
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		20.446.160.326	16.941.072.968
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.21	12.726	10.545

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Huyền*  
Nguyễn Thị Huyền

Trưởng phòng kế toán

*Dương Thị Thanh Thủy*  
Dương Thị Thanh Thủy

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2014  
Tổng Giám đốc



Hòa Quang Thiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHI TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.265.072.500	20.575.083.228
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.170.271.219	1.375.342.557
- Các khoản dự phòng	03		(30.000.000)	(118.982.037)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(3.913.296)	(2.649.532)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.801.648)	(77.428.289)
- Chi phí Lãi vay	06		1.668.042.294	2.574.443.950
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.053.671.069	24.325.809.877
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.569.484.115)	68.952.166
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.540.720.292)	119.949.641
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		541.052.380	(5.177.229.537)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(253.186.277)	(152.737.490)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.149.733.640)	(2.573.975.950)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.290.891.965)	(3.278.349.026)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	51.070.250
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.152.478.909)	(244.649.730)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>3.638.228.251</b>	<b>13.138.840.201</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25.171.818)	(648.566.701)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(850.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	850.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(555.300.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.801.648	77.428.289
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(564.670.170)</b>	<b>(571.138.412)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		79.088.801.744	75.470.667.341
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(76.461.165.410)	(80.799.428.992)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(420.000.000)	(6.649.040.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>2.207.636.334</b>	<b>(11.977.801.651)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>5.281.194.415</b>	<b>589.900.138</b>
(50 = 20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.1	2.514.027.093	1.924.126.955
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.1	7.795.221.508	2.514.027.093
(70 = 50+60+61)				

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Huyền*  
Nguyễn Thị Huyền

Trưởng phòng kế toán

*Đương Thị Thanh Thủy*  
Đương Thị Thanh Thủy

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Hòa Quang Thiệp

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sivico (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0200456505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28/3/2002, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 4 ngày 15/3/2010 về việc thay đổi vốn điều lệ Công ty.

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Sivico
Tên giao dịch tiếng Anh:	Sivico Jointstock Company
Vốn điều lệ của Công ty :	16.066.000.000 VND (Mười sáu tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn)./.

Cổ đông sáng lập:

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	Số cổ phần: 100.000 (cổ phần)
Công ty TNHH Vico	Số cổ phần: 100.000 (cổ phần)
Ông Hòa Quang Thiệp	Số cổ phần: 147.500 (cổ phần)

Trụ sở chính của Công ty tại Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Số lao động bình quân: 58 người.

##### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu trải đường nhiệt dẻo phản quang, thiết bị an toàn giao thông, sơn tĩnh điện, điện cực chống ăn mòn;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu hóa chất (không độc hại);
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm, vật tư nguyên liệu, thiết bị ngành bao bì và in ấn;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu../.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

##### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### 3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

#### 3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

#### 4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

##### Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 05 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) quy định về Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 203”). Thông tư 45 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và được áp dụng từ năm tài chính 2013. Thông tư 45 có một trong những thay đổi cơ bản so với Thông tư 203 là quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định có nguyên giá với giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên.

##### Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2003/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### 5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính phù hợp theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Công cụ tài chính

###### Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

###### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

###### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng giao dịch thanh toán. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có số dư gốc ngoại tệ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền.

Tập hợp chi phí, tính giá thành theo phương pháp giản đơn, cụ thể: Chi phí nguyên vật liệu, năng lượng được xác định theo định mức riêng cho từng mã sản phẩm, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung phân bổ cho các sản phẩm theo sản lượng sản xuất hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

**Nhóm tài sản**

**Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc, thiết bị	02 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

#### 5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phí chuyển giao công nghệ DPI, hệ thống quản lý chất lượng ISO 900-2001, phí cài đặt và chuyển giao phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản này được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

##### Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư bao gồm các khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu và Công ty Cổ phần Bao bì VLC, Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu và được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

##### Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn của Công ty là công cụ dụng cụ (trục in) được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo đơn giá và số lượng sản phẩm sản xuất ra trong năm.

##### Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản trích trước chi phí chuyển giao công nghệ DPI, tiền lương vượt doanh số cho đại lý và các khoản trích trước khác. Chi phí chuyển giao công nghệ được trích trước dựa trên cơ sở 1,5% doanh thu mặt hàng sơn DPI sau khi đã trừ đi chi phí vận chuyển, chi phí đóng gói bao bì. Tiền thưởng vượt doanh số cho đại lý trích trước dựa trên phần trăm doanh thu được quy định trong hợp đồng đại lý.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

##### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

#### 5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

##### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viện chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

6.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
	Tiền mặt	59.334.031	199.933.354
	Tiền gửi ngân hàng	7.735.887.477	2.314.093.739
	<b>Tổng</b>	<b>7.795.221.508</b>	<b>2.514.027.093</b>
6.2	Các khoản phải thu khác	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
	Công ty Cổ phần Bao bì VLC	2.870.000.000	-
	Các khoản phải thu khác	14.843.232	5.729.846
	<b>Tổng</b>	<b>2.884.843.232</b>	<b>5.729.846</b>
6.3	Hàng tồn kho	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
	Nguyên liệu, vật liệu	13.698.597.217	10.468.862.786
	Công cụ, dụng cụ	320.981.236	153.042.329
	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	543.600.584	389.032.539
	Thành phẩm	1.355.309.223	1.343.939.913
	Hàng hóa	63.471.833	86.362.234
	<b>Tổng</b>	<b>15.981.960.093</b>	<b>12.441.239.801</b>
6.4	Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Chi phí trả trước ngắn hạn của Công ty là công cụ dụng cụ (trực in) được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo đơn giá và số lượng sản phẩm sản xuất ra trong năm.		
6.5	Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
	Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	65.842.680	169.124.800
	<b>Tổng</b>	<b>65.842.680</b>	<b>169.124.800</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.6 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dung cụ quản lý	Tổng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư tại 01/01/2013	3.617.481.069	14.851.593.770	2.469.407.279	111.250.885	21.049.733.003
Tăng trong năm	-	-	-	25.171.818	25.171.818
Mua trong năm	-	-	-	25.171.818	25.171.818
Giảm trong năm	67.908.515	119.517.386	-	126.823.421	314.249.322
Giảm theo TT 45	67.908.515	119.517.386	-	126.823.421	314.249.322
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>3.549.572.554</b>	<b>14.732.076.384</b>	<b>2.469.407.279</b>	<b>9.599.282</b>	<b>20.760.655.499</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư tại 01/01/2013	3.518.879.042	10.617.333.841	1.625.960.076	98.936.751	15.861.109.710
Tăng trong năm	22.130.136	824.795.381	204.916.942	118.428.760	1.170.271.219
Khấu hao trong năm	22.130.136	824.795.381	204.916.942	118.428.760	1.170.271.219
Giảm trong năm	67.908.515	107.600.598	-	96.287.573	271.796.686
Giảm theo TT 45	67.908.515	107.600.598	-	96.287.573	271.796.686
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>3.473.100.663</b>	<b>11.334.528.624</b>	<b>1.830.877.018</b>	<b>121.077.938</b>	<b>16.759.584.243</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/01/2013	98.602.027	4.234.259.929	843.447.203	12.314.134	5.188.623.293
Tại 31/12/2013	76.471.891	3.397.547.760	638.530.261	(111.478.656)	4.001.071.256

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 3.440.573.071  
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.503.114.230

**6.7 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị: VND

	Phí chuyển giao công nghệ DPI	Hệ thống QL CL ISO 9000-2001	Phí cài đặt và chuyển giao phần mềm kế toán	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2013	761.100.000	55.012.290	35.000.000	851.112.290
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>761.100.000</b>	<b>55.012.290</b>	<b>35.000.000</b>	<b>851.112.290</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2013	761.100.000	55.012.290	35.000.000	851.112.290
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>761.100.000</b>	<b>55.012.290</b>	<b>35.000.000</b>	<b>851.112.290</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2013	-	-	-	-
Tại 31/12/2013	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.8 Đầu tư dài hạn khác**

Thông tin chi tiết cho các khoản đầu tư

TT	Tên Công ty đầu tư	Ngành nghề	Vốn điều lệ (tr đồng)	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu theo thực tế 31/12/2013
1.	Công ty Cổ phần Bất động sản và Hóa chất Á Châu	Kinh doanh bất động sản	73.250	2,46%	3,22%
2.	Công ty Cổ phần Bao bì VLC	Bao bì	18.850	6,10%	6,10%

**6.9 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	10.706.034.464	5.284.398.130
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Ngô Quyền	9.924.999.591	3.042.580.100
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	781.034.873	2.241.818.030
Vay cá nhân	-	2.700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Tổng</b>	<b>10.706.034.464</b>	<b>7.984.398.130</b>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng số 01/HĐTDHM ngày 14/12/2011, Hạn mức tín dụng/Hạn mức cho vay: 12.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay từng lần nhận nợ: không quá 4 tháng; Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ; Tài sản thế chấp: Nhà cửa vật kiến trúc, dây truyền bao bì, 3 xe ô tô tải...; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng theo Hợp đồng số 0032/2012/HĐTDHM ngày 5/7/2012; Hạn mức tín dụng/Hạn mức cho vay: 7.000.000.000 đồng; Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ; Tài sản thế chấp: Xe ô tô huyn dai, hàng hóa...; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Các khoản vay cá nhân không có thời hạn, lãi suất được quy định theo từng thời kỳ.

**6.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	729.612.236	598.237.589
Thuế xuất, nhập khẩu	-	15.783.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.916.292.891	1.388.272.682
Thuế thu nhập cá nhân	7.602.424	-
<b>Tổng</b>	<b>2.653.507.551</b>	<b>2.002.294.041</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.11 Chi phí phải trả**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phí chuyển giao công nghệ	805.043.673	556.413.014
Trích chi phí khoản doanh thu vượt	69.479.088	75.204.204
Trích lương cho đại lý	66.000.000	68.000.000
Chi phí lãi vay	-	468.000
<b>Tổng</b>	<b>940.522.761</b>	<b>700.085.218</b>

**6.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	38.688.907	32.326.997
Bảo hiểm y tế	2.637.651	16.202.749
Bảo hiểm thất nghiệp	12.972.390	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	58.084.805
<b>Tổng</b>	<b>54.298.948</b>	<b>106.614.551</b>

**6.13 Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>259.723.020</b>	<b>353.723.020</b>
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương VN</i>		
<i>- Chi nhánh Ngô Quyền</i>	259.723.020	353.723.020
<b>Tổng</b>	<b>259.723.020</b>	<b>353.723.020</b>

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/HĐTDTH/2012 ngày 27/7/2012. Số tiền vay 1.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng; Mục đích vay: Đầu tư thêm máy móc thiết bị; Tài sản đảm bảo: Nhà cửa vật kiến trúc, dây chuyền....; Lãi suất: Theo thời điểm rút tiền.

11/01/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.14 Nguồn vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	16.066.000.000	1.901.467	1.995.650.604	1.329.138.120	5.140.697.058	24.533.387.249
Tăng trong năm	-	4.566.387	1.207.799.469	257.034.853	16.941.072.968	18.410.473.677
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	16.941.072.968	16.941.072.968
Trích lập quỹ	-	-	1.207.799.469	257.034.853	-	1.464.834.322
Chênh lệch tỷ giá	-	4.566.387	-	-	-	4.566.387
Giảm trong năm	-	6.467.854	-	-	8.576.537.058	8.583.004.912
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	6.649.040.000	6.649.040.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.927.497.058	1.927.497.058
Chênh lệch tỷ giá	-	6.467.854	-	-	-	6.467.854
Số dư tại 31/12/2012	16.066.000.000	-	3.203.450.073	1.586.172.973	13.505.232.968	34.360.856.014
Số dư tại 01/01/2013	16.066.000.000	-	3.203.450.073	1.586.172.973	13.505.232.968	34.360.856.014
Tăng trong năm	-	-	10.713.492.968	847.050.000	20.446.160.326	32.006.703.294
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	20.446.160.326	20.446.160.326
Trích lập quỹ	-	-	10.713.492.968	847.050.000	-	11.560.542.968
Giảm trong năm	-	-	-	807.219.514	13.505.232.968	14.312.452.482
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	420.000.000	420.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	13.085.232.968	13.085.232.968
Giảm khác	-	-	-	807.219.514	-	807.219.514
Số dư tại 31/12/2013	16.066.000.000	-	13.916.943.041	1.626.003.459	20.446.160.326	52.055.106.826

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Vico	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	13.066.000.000	13.066.000.000
<b>Tổng</b>	<b>16.066.000.000</b>	<b>16.066.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	16.066.000.000	16.066.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	16.066.000.000	16.066.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>-</b>	<b>6.649.040.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.14 Nguồn vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.606.600	1.606.600
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.606.600</b>	<b>1.606.600</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.606.600	1.606.600
<b>Số lượng cổ phiếu chưa lưu hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.606.600</b>	<b>1.606.600</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.606.600	1.606.600

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	13.916.943.041	3.203.450.073
Quỹ dự phòng tài chính	1.626.003.459	1.586.172.973

**6.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa	2.227.046.846	5.615.264.153
Doanh thu bán thành phẩm	140.092.499.845	118.080.094.861
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.646.174.500	482.425.053
<b>Tổng</b>	<b>143.965.721.191</b>	<b>124.177.784.067</b>

**6.16 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.191.446.758	4.032.800.553
Giá vốn bán của thành phẩm đã bán	104.492.220.759	90.042.493.682
Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn khác	1.469.351.200	110.650.659
* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(51.890.300)
<b>Tổng</b>	<b>108.153.018.717</b>	<b>94.134.054.594</b>

**6.17 Doanh thu tài chính**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.801.648	77.428.289
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.594.860	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.913.296	2.649.532
<b>Tổng</b>	<b>27.309.804</b>	<b>80.077.821</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.18 Chi phí tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	1.668.042.294	2.574.443.950
Chi phí khác	-	448
<b>Tổng</b>	<b>1.668.042.294</b>	<b>2.574.444.398</b>

**6.19 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>378.258.119</b>	<b>315.832.191</b>
Điều chỉnh theo biên bản thanh tra thuế	251.960.519	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	126.655.680
Thu nhập công nợ không phải trả	-	71.306.261
Hoàn nhập chi phí trích trước	-	66.800.000
Nhận tiền bảo hiểm	-	51.070.250
Nhận tiền đền bù hàng kém phẩm chất	126.297.600	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>28.740.493</b>	<b>47.033.030</b>
Tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	8.714.713	30.633.030
Chi phí khác	20.025.780	16.400.000
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>349.517.626</b>	<b>268.799.161</b>

**6.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>27.265.072.500</b>	<b>20.575.083.228</b>
+ Các khoản điều chỉnh tăng	262.536.713	55.333.030
<i>Thu lao HĐQT, BKS</i>	<i>233.800.000</i>	
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>28.736.713</i>	<i>55.333.030</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	251.960.519	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>27.275.648.694</b>	<b>20.630.416.258</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>6.818.912.174</b>	<b>5.157.604.065</b>
Thu nhập chịu thuế không được miễn giảm	251.960.519	268.799.161
Thu nhập chịu thuế tính thuế miễn giảm	-	20.314.584.067
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 30% thuế TNDN theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC, Thông tư số 140/2012/TT-BTC	-	1.523.593.805
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>6.818.912.174</b>	<b>3.634.010.260</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	20.446.160.326	16.941.072.968
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	20.446.160.326	16.941.072.968
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	1.606.600	1.606.600
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>12.726</b>	<b>10.545</b>

**6.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	101.266.490.600	93.678.583.388
Chi phí nhân viên	5.520.208.599	4.830.226.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.212.723.855	1.375.342.557
Chi phí dự phòng	(30.000.000)	54.376.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.396.396.816	3.124.837.286
Chi phí bằng tiền khác	2.873.245.594	2.344.396.095
<b>Tổng</b>	<b>115.239.065.464</b>	<b>105.407.762.778</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của thành viên Ban Giám đốc Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	679.216.525	549.138.701

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Giao dịch mua</b>		
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng 2	188.172.875	1.557.795
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	7.493.606.020	222.002.490
Công ty TNHH Vilaco	2.221.190.000	-
Công ty TNHH Vico	16.904.085.520	527.629.367
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	1.196.673.213	6.256.250
<b>Giao dịch bán</b>		
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng 2	24.240.000	153.554.050
Công ty TNHH Vilaco	-	2.954.442.000
Công ty TNHH Vico	376.578.516	20.683.010.024
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	2.975.238.700	534.970.250
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	6.778.514.000	213.620.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Phải thu thương mại</b>		
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng 2	123.413.906	91.881.395
Công ty TNHH Vilaco	96.689.595	643.667.696
Công ty TNHH Vico	822.773.305	1.951.899.506
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	1.392.757.634	468.962.998
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	-	682.000
<b>Phải trả thương mại</b>		
Công ty TNHH Vico	57.720.606	-
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	135.741.662	-

**7.2 Báo cáo bộ phận****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh sản xuất Sơn và sản xuất Bao bì.

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	Sản xuất Sơn	Sản xuất Bao bì	Khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	1.730.755.478	2.270.315.778	-	4.001.071.256
Các khoản phải thu	37.577.025.529	4.773.061.510	-	42.350.087.039
Hàng tồn kho	14.755.063.067	1.046.298.390	180.598.636	15.981.960.093
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	12.498.421.133
<b>Tổng tài sản</b>	<b>54.062.844.074</b>	<b>8.089.675.678</b>	<b>180.598.636</b>	<b>74.831.539.521</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	2.310.614.347	3.366.426.328	-	5.677.040.675
Phải trả tiền vay	-	-	-	10.965.757.484
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	6.137.844.736
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.310.614.347</b>	<b>3.366.426.328</b>	<b>-</b>	<b>22.780.642.895</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**7.2 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)****Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	Sản xuất Sơn	Sản xuất Bao bì	Khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	95.398.947.437	32.878.362.187	15.688.411.567	143.965.721.191
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>95.398.947.437</b>	<b>32.878.362.187</b>	<b>15.688.411.567</b>	<b>143.965.721.191</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	27.289.216.273	2.891.026.886	5.632.459.315	35.812.702.474
Trừ: Chi phí không phân bổ	-	-	-	(7.256.415.110)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	28.556.287.364
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	27.309.804
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(1.668.042.294)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	349.517.626
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	27.265.072.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(6.818.912.174)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>20.446.160.326</b>

**7.3 Công cụ tài chính****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	7.795.221.508	2.514.027.093
Phải thu khách hàng	40.280.993.522	26.797.985.134
Phải thu khác	2.950.685.912	174.854.646
Đầu tư tài chính khác	3.505.300.000	2.950.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.532.200.942</b>	<b>32.436.866.873</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay nợ	10.965.757.484	8.338.121.150
Phải trả người bán	5.089.368.067	5.533.064.316
Phải trả khác	54.298.948	106.614.551
Chi phí phải trả	940.522.761	700.085.218
<b>Cộng</b>	<b>17.049.947.260</b>	<b>14.677.885.235</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Công nợ</b>	<b>Tài sản</b>
	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>Đô la Mỹ (USD)</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	239.905.616
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-
	-	<b>239.905.616</b>

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>31/12/2013</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả khách hàng	5.143.667.015	-	5.143.667.015
Các khoản vay	10.965.757.484	-	10.965.757.484
<b>01/01/2013</b>			
Phải trả khách hàng	5.533.064.316	-	5.533.064.316
Các khoản vay	5.984.398.130	-	5.984.398.130

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN


**7.4 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Huyền


Trưởng phòng kế toán

  
Dương Thị Thanh Thủy

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



  
Hòa Quang Thiệp

